

Số: 106/NQ-HĐND

Bình Long, ngày 14 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi và
bổ sung kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển
kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH LONG
KỲ HỌP THỨ 4 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;*

*Căn cứ Thông tư số 342/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài
chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số
163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
điều của Luật NSNN;*

*Xét Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân
dân phường về việc bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi và bổ sung kế hoạch
vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số miền núi năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 103/BC-BKTNS ngày 13 tháng
11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận
của đại biểu hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi và bổ sung kế
hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng
bào dân tộc thiểu số miền núi năm 2025 với các nội dung như sau:

1. Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi là **29.426.951.000 đồng** (Hai
mươi chín tỷ, bốn trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi một ngàn đồng):
Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ thu – chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2025, số
bổ sung tăng thêm từ ngân sách tỉnh, số thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang
(của 04 xã, phường cũ trước sáp nhập), số thu kết dư từ năm 2024 chuyển sang năm
2025 (của 04 xã, phường cũ trước sáp nhập). Đồng thời để đảm bảo có nguồn lực
thực hiện các nhiệm vụ phát sinh và dự kiến các nhiệm vụ phát sinh cuối năm.

2. Bổ sung kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS MN năm 2025: Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2025, bổ sung chi đầu tư phát triển tăng **12.701.000.000 đồng** (Mười hai tỷ, bảy trăm lẻ một triệu đồng) (Từ nguồn vốn CTMTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS & MN năm 2025 (đợt 3)). Cụ thể giao cho dự án: Đầu tư, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS Bình Long; Nâng cấp, sửa chữa cổng hàng rào, hệ thống thoát nước; nâng cấp sân, đường bê tông, và lát gạch sân trong khuôn viên trường; xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng; sửa chữa các khối nhà khu A, B, C và nhà bếp ăn; lắp đặt hệ thống chiếu sáng; xây dựng khu trải nghiệm thuộc Tiểu dự án I thuộc Dự án 5.

(Kèm theo bảng biểu chi tiết).

Điều 2. Giao UBND phường tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Bình Long, nhiệm kỳ 2021 - 2026 kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. / *lks*

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. Đảng ủy, TT. HĐND phường;
- UBND phường; UBMTTQVN phường;
- Các Ban HĐND phường;
- Các Đại biểu HĐND phường;
- Các cơ quan chuyên môn phường;
- LĐVP, CV (HĐ);
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

lks
Nguyễn Thị Hiền



CHI TIẾT BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG BÌNH LONG NĂM 2025

Đính kèm Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND phường

ĐVT: ngàn đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
A	B	C
I	TỔNG SỐ BỔ SUNG	29.426.951
1	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	9.815.398
a	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	9.568.380
	- Chi phí dịch vụ xử lý rác thải sinh hoạt phường Bình Long tại nhà máy xử lý rác năm 2025	1.978.578
	- Chi phí dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn phường Bình Long đến nhà máy xử lý rác năm 2025	730.329
	- Chi phí dịch vụ vệ sinh công cộng đường phố trên địa bàn phường năm 2025	118.726
	- Duy trì cây cảnh, chăm sóc cây xanh và thảm cỏ trên địa bàn phường Bình Long năm 2025	(500.000)
	- Chi phí dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải xã Thanh Bình chuyển về	(448.000)
	- Sơn vạch kẻ đường các tuyến đường trên địa bàn phường Bình Long	405.829
	- Nạo vét mương, cống thoát nước trên địa bàn phường Bình Long năm 2025	1.000.000
	- Tiền điện, đèn đường	320.000
	- Duy trì hệ thống chiếu sáng trên địa bàn phường Bình Long năm (15/10/2024 đến 15/10/2025)	1.500.000
	- Duy trì hệ thống chiếu sáng trên địa bàn phường Bình Long năm (15/10/2025 đến 15/10/2026) tạm cấp	400.000
	- Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng ALT10 khu phố Bình An (Đoạn từ ALT3 đến đường ALT2 - tuyến từ tổ 09 khu phố Phú Bình).	82.902
	- Lắp đặt đèn chiếu sáng ALT19 - ALT20 ấp Sóc Du (Đoạn từ ALT16 qua đường ALT20 đến nhà bà Phạm Thị Tình)	189.628
	- Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng đường PĐT11 (Đoạn đường Nguyễn Du đến đường PĐT12)	88.770
	- Xây dựng cống hộp tại vị trí cống tổ 9, 10 khu phố Xa Cam II.	62.358
	- Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng đường Hàm Nghi (Đoạn từ đường Lê Quý Đôn đến đường Đoàn Thị Điểm)	38.845
	- Tiểu dự án 1 thuộc dự án 5: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông DTNT (PTDTNT)	2.200.000
	- Di dời hệ thống đường điện trung và hạ thế hiện hữu về vị trí dây phân cấp mở rộng của đường ĐT 752, phường Hưng Chiến và di dời thi công mới hàng rào, các công trình hiện hữu tại các vị trí trường Mầm non Hoa Mai, trường TH&THCH An Phú	400.000
	Lắp đặt bộ đèn chiếu sáng đường bê tông xi măng (đoạn từ HCT7 đến nhà ông Hoàng Văn Dân tổ 4, khu phố Hưng Phú)	143.616
	Lắp đặt bộ đèn chiếu sáng đường HCT3 (đoạn đường từ ngã 3 DT 752 đến ngã 3 ấp Bình Ninh)	254.013
	Lắp đặt bộ đèn chiếu sáng đường bê tông xi măng cụm dân cư tổ 6,7,8 khu phố Xa Cam (đoạn từ ngã 3 chùa Bảo An đến đường Sư Vạn hạnh)	216.342



STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
A	B	C
	Lắp đặt bộ đèn chiếu sáng đường HCT15(đoạn từ ngã 3 đường HCT1 đến ngã 3 đường HCT8)	386.444
b	Hoạt động Văn hóa thông tin	215.018
	Chi cho chuyên môn:	215.018
	- Kinh phí quản lý mộ	6.000
	- Tiền thưởng năm 2025 theo ND73/2024/NĐ-CP	160.618
	Tổ chức giải thi đấu cờ tướng	20.000
	Tham gia giải thể thao các Câu lạc bộ trung, cao tuổi tỉnh Đồng Nai năm 2025	28.400
c	Kinh phí sự nghiệp CTMTQG giảm nghèo bền vững năm 2025 (đợt 1)	32.000
	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	32.000
	- Vốn sự nghiệp thực hiện truyền thông về giảm nghèo đa chiều (Tiểu dự án 2, Dự án 6) NS TW- 10476	28.000
	- Vốn sự nghiệp thực hiện truyền thông về giảm nghèo đa chiều (Tiểu dự án 2, Dự án 6) NS tỉnh- 30476	4.000
2	Sự nghiệp giáo dục	8.056.713
	- Khối Mầm non	1.692.511
	- Khối Tiểu học	2.679.575
	- Khối Trung học cơ sở	3.639.482
	- Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS.	45.145
3	Văn phòng HĐND và UBND	198.943
	Kinh phí hoạt động thường xuyên	(1.740.768)
	- Điều chỉnh giám phụ cấp của các khu phố, ấp	(2.419.092)
	- Điều chỉnh phụ cấp hội đặc thù	(606.528)
	Ban chỉ huy quân sự	820.176
	- Lương PC, các khoản đóng góp	745.849
	- Hoạt động thường xuyên	74.327
	Công An (An ninh cơ sở)	464.676
	- Bổ sung PC lực lượng An ninh cơ sở + BHXH, BHYT	464.676
	Kinh phí hoạt động không thường xuyên	1.939.711
	Kinh phí nhiệm vụ chuyên môn ngành:	1.178.493
	- Điều chỉnh giám hoạt động của các hội đặc thù	(335.000)
	- Điều chỉnh giám PC Khu phố văn hoá: theo TT 121 ngày 15/11/2017 thực hiện cuộc vận động theo quy mô dân số	(105.000)
	- Tiền thưởng năm 2025 theo ND73/2024/NĐ-CP	346.226
	- Hội nghị gặp gỡ, lắng nghe ý kiến của doanh nghiệp và hợp tác xã năm 2025	180.000
	- Kinh phí mua sắm xe ô tô phục vụ công tác dùng chung	1.092.267
	Kinh Phí Đăng	(54.246)
	- Điều chỉnh giám Phụ cấp cấp uỷ	(25.110)
	- Điều chỉnh giám chi mua báo chí các chi bộ	(29.136)
	Ban chỉ huy quân sự	815.464
	- Kinh phí khen thưởng năm 2025 theo ND 73	22.464
	- Hỗ trợ hoạt động	40.000
	- Kinh phí diễn tập tác chiến phòng Bình Long trong khu vực phòng thủ năm 2025 (Tạm mượn nguồn dự phòng)	718.000

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
A	B	C
	- Bổ sung chỉ cho công tác huấn luyện nâng cao và bắn đạn thật	35.000
4	Trung tâm phục vụ hành chính công	147.563
	Kinh phí hoạt động thường xuyên	22.615
	Tăng PC, các khoản đóng góp	1.404
	Bổ sung hoạt động	21.211
	Kinh phí hoạt động Không thường xuyên	124.948
	- Bổ sung kinh phí hoạt động phục vụ một cửa	30.000
	- Mua phần mềm, chữ ký bảo hiểm	4.432
	- Chữ ký tài khoản	1.870
	- Tiền thưởng năm 2025 theo ND73/2024/ND-CP	88.646
5	Phòng Văn hoá xã hội	7.680.466
	- Kinh phí hoạt động không thường xuyên	7.680.466
	- Kinh phí hoạt động chuyên môn	2.872.966
	- Kinh phí chi trả nghỉ theo Nghị định 154/ND-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ (13 người)	2.051.420
	- Tiền thưởng năm 2025 theo ND73/2024/ND-CP	119.789
	- Bổ sung kinh phí khen thưởng KDC văn hóa	96.300
	- Chi tiền làm thêm giờ tặng quà cho người dân ngày 2/9	87.427
	- Kinh phí cho phụ nữ dưới 35 tuổi sinh con thứ 2 theo Nghị quyết 32/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024	349.000
	- Hội nghị sơ kết 5 năm đề án xây dựng xã hội học tập.	5.000
	- Tuần lễ học tập suốt đời	5.500
	- Hỗ trợ các dự án khởi nghiệp tham gia vòng chung kết cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại tỉnh Đồng Nai.	7.530
	- Tổ chức ngày hội chuyển đổi số 10/10 năm 2025	39.500
	- Chi tiền đặt hoa ngày công bố quyết định thành lập phường Bình Long	6.500
	- Kinh phí sửa chữa lại các dụng cụ thể dục thể thao tại công viên phường	20.000
	- Sửa chữa, thay thế các thiết bị điện khi nhận trụ sở sau sáp nhập	30.000
	- Kinh phí tổ chức ngày 20/11	50.000
	- Bổ sung kinh phí kiểm tra cải cách hành chính	5.000
	Chi đảm bảo xã hội	4.807.500
	Chi cho công tác xã hội:	4.807.500
6	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	82.991
	Kinh phí hoạt động thường xuyên	47.965
	Bổ sung Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	47.965
	- Kinh hoạt động không thường xuyên	35.026
	- Chữ ký số	4.840
	- Tiền thưởng năm 2025 theo ND73/2024/ND-CP	30.186
7	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	1.351.442
	- Kinh phí hoạt động thường xuyên	119.457
	- Bổ sung Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	67.093
	- Bổ sung hoạt động	52.364
	- Kinh phí hoạt động không thường xuyên	1.191.985
	- Điều chỉnh giảm Kinh phí thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể dự án: Xây dựng đường Lê Đại Hành nối dài (điều chỉnh giảm nguồn)	(50.000)

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
A	B	C
	- Kinh phí kiểm tra trật tự xây dựng, đất đai, tài nguyên, khoáng sản bảo vệ môi trường	41.700
	- Sản phẩm OCCOP (Sốt mì cay KenMi)	70.848
	- Mua phần mềm MiSA	14.000
	- Sửa chữa và đi lại đường dây điện	30.000
	- Bổ sung kinh phí hoạt động	59.000
	- Bổ sung kinh phí hoạt động chuyên môn ngành (mượn nguồn chi trả cước phí sử dụng 6 tháng đường truyền Metronet)	26.000
	- Mua biên lai	1.000
	- Mua phần mềm, chữ ký bảo hiểm	4.351
	- Chữ ký tài khoản	1.296
	- Thanh toán tư vấn xác định giá đất cụ thể tính bồi thường hỗ trợ dự án Phân pha dây dẫn đường dây 110kV từ 117 Bình Long 2 – 175 Mỹ Phước	168.000
	- Chi triển khai thực hiện chiến dịch 90 ngày xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn phường	158.000
	- Chi trả tiền nghỉ việc theo Nghị định số 170/2025/NĐ-CP	205.546
	- Tiền thưởng năm 2025 theo NĐ73/2024/NĐ-CP	204.956
	- Bổ sung KP tiêu độc, khử trùng môi trường chăn nuôi	25.200
	Sự nghiệp kinh tế	232.088
	- Kinh phí thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể dự án: Xây dựng đường Lê Đại Hành nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	139.378
	- Kinh phí thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể dự án: Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	32.710
	- Kinh phí thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể dự án: Nâng cấp đường từ ngã ba Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	60.000
	Kinh phí sự nghiệp CTMTQG giảm nghèo bền vững năm 2025 (đợt 1)	40.000
	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	40.000
	- Vốn sự nghiệp thực hiện Nâng cao năng lực; giám sát, đánh giá chương trình (Dự án 7) NS TW- 10477	35.000
	- Vốn sự nghiệp thực hiện Nâng cao năng lực; giám sát, đánh giá chương trình (Dự án 7) NS tỉnh- 20477	5.000
8	ĐẢNG ỦY PHƯỜNG	1.105.967
	Kinh phí hoạt động thường xuyên	60.342
	- Điều chỉnh giảm Lương, PC các khoản đóng góp (03 đ/c nghỉ việc)	(227.222)
	- Bổ sung Hoạt động (do tính thiếu)	233.851
	- Bổ sung PC, các khoản đóng góp	53.713
	Kinh phí hoạt động không thường xuyên:	1.045.625
	- Bổ sung kinh phí tổ chức Hội nghị	171.710
	- Bổ sung kinh phí hoạt động chi bộ khu phố, ấp, chi bộ trực thuộc 06 tháng cuối năm	57.960
	- Kinh phí hoạt động Ban Công tác 35 bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	101.330
	- Kinh phí mua bộ máy vi tính, máy in phục vụ cơ sở dữ liệu Đảng viên 3.0	64.600

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
A	B	C
	- Chi trả tiền nghỉ việc theo Nghị định số 170/2025/NĐ-CP	371.499
	- Tiền thưởng năm 2025 theo ND73/2024/NĐ-CP	278.526
9	UBMTTQ VN & CÁC ĐOÀN THỂ	729.109
	Kinh phí hoạt động thường xuyên	(150.007)
	- Điều chỉnh giảm lương, PC các khoản đóng góp (03 đ/c nghỉ hưu)	(167.503)
	Tăng PC, các khoản đóng góp 01 hợp đồng (HĐ 111)	17.496
	Kinh phí hoạt động chuyên môn ngành:	879.116
*	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	403.916
	- Bổ sung Kinh phí tổ chức Đại hội MT	100.000
	- Điều chỉnh giảm Đại hội chi bộ cơ quan	(7.722)
	- Tiền thưởng năm 2025 theo ND73/2024/NĐ-CP	183.138
	- Kinh phí mua phần mềm kế toán misa	14.000
	- Kinh phí hỗ trợ các khu phố tổ chức hội nghị tổng kết (30 khu phố x 1.000.000đ)	30.000
	Kinh phí hoạt động cho Ban vận động cuộc vận động xã	20.000
	Kinh phí hỗ trợ cho Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện cuộc vận động " Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" (Nghị quyết 03/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh Bình Phước quy định mức hỗ trợ thực hiện CVĐ "TĐĐKXDNTM, ĐTVM" của MTTQ cấp xã và Ban CTMT khu dân cư)	64.500
*	Đoàn Thanh Niên	201.500
	- Bổ sung Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản (TNCS) Hồ Chí Minh Phường, nhiệm kỳ 2025-2030 Đại hội điểm	160.000
	- Giám chi Đại hội LHTN Việt Nam nhiệm kỳ năm 2025 - 2030 (không thực hiện)	(50.000)
	- Kinh phí tổ chức Tết Trung Thu	40.000
	- Hỗ trợ chi đoàn tổ chức đại hội (47 chi đoàn x 500.000đ)	23.500
	- Tham gia Liên hoan tuyên truyền ca khúc cách mạng đợt 2 năm 2025	28.000
*	Hội Phụ Nữ	86.000
	- Điều chỉnh giảm nội dung chi hợp ban chấp hành mở rộng theo quý (02 quý)	(5.000)
	- Hợp giao ban tháng công tác hội	5.000
	- Bổ sung kinh phí Đại hội Hội Phụ nữ phường nhiệm kỳ 2026-2030	70.000
	- Hỗ trợ chi hội tổ chức tổng kết chi hội nhiệm kỳ 2021-2025 (32 chi hội x 500.000đ)	16.000
*	Hội Nông dân	123.200
	- Bổ sung kinh phí Đại hội Hội Nông dân phường nhiệm kỳ 2025-2030	70.000
	- Hỗ trợ chi hội tổ chức tổng kết chi hội nhiệm kỳ 2021-2025 (30 chi hội x 500.000 đ)	15.000
	- Tham gia triển lãm thành tựu nông nghiệp tỉnh Đồng Nai và hội thảo, tập huấn tại triển lãm từ ngày 24/10-27/10/2025.	38.200
*	Hội Cựu chiến binh	64.500
	- Tổ chức Đại hội Hội CCB phường nhiệm kỳ 2025-2030	50.000



STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
A	B	C
	- Hỗ trợ chi hội tổ chức tổng kết chi hội nhiệm kỳ 2021-2025 (29 chi hội x 500.000 đ)	14.500
10	Công An	258.359
	Hỗ trợ hoạt động	258.359
	- Bổ sung Kinh phí tặng quà tranh thủ người có uy tín già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo	10.000
	- Giám do điều chỉnh nội dung chi kinh phí tập huấn PCCC	(45.000)
	- Giám do điều chỉnh nội dung chi kinh phí tổ chức diễn tập PCCC- CNCH	(50.000)
	- Giám do điều chỉnh nội dung chi Kinh phí tập huấn tổ ANND	(70.000)
	- Giám do điều chỉnh nội dung chi hỗ trợ điều tra, phá án	(50.000)
	- Bổ sung kinh phí tổ chức ngày hội toàn dân BVANTQ	13.200
	- Kinh phí tuyên truyền PCCC trên địa bàn phường	45.000
	- Hỗ trợ hoạt động thường xuyên	50.000
	- Hỗ trợ kinh phí bộ phận một cửa Công an phường giải quyết thủ tục hành chính cho người dân	70.000
	- Hỗ trợ kinh phí bộ phận một cửa Công an phường giải quyết thủ tục hành chính cho người dân	50.000
	- KP tổ chức hoạt động "Cùng Việt Nam tiến bước"	11.000
	- Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Đảng	35.000
	- KP di dời hệ thống camera an ninh giao thông	90.159
	- KP mua que test tổng ra quân đợt cao điểm thực hiện mục tiêu xây dựng địa bàn không ma túy phường Bình Long (Nguồn dự phòng)	79.000
	- Kinh phí tuyên truyền thu gom vũ khí, CCHT, vật liệu nổ	20.000



**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS & MN NĂM 2025**

Đính kèm Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND phường

ĐVT: đồng

ST T	NỘI DUNG	Số QĐ phê duyet	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn bổ sung năm 2025			
				Tổng cộng	Nguồn vốn khác	Nguồn ngân sách tỉnh (XDCB tập trung)	Ngân sách TW
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS & MN năm 2025		12.701.000.000	12.701.000.000	0	1.155.000.000	11.546.000.000
1	Đầu tư, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS Bình Long: Nâng cấp, sửa chữa cổng hàng rào, hệ thống thoát nước; Nâng cấp sân, đường bê tông, và lát gạch sân trong khuôn viên trường; Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng; Sửa chữa các khối nhà khu A, B, C và nhà bếp ăn; Lắp đặt hệ thống chiếu sáng; Xây dựng khu trải nghiệm thuộc Tiểu dự án I thuộc Dự án 5: Đổi mới hoạt động củng cố các trường Dân tộc nội trú, trường phổ thông DT bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú và xoá mù chữ cho người dân vùng dân tộc thiểu số.	Quyết định số 1632/QĐ- UBND ngày 13/10/2025 của UBND tỉnh	12.701.000.000	12.701.000.000		1.155.000.000	11.546.000.000